

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2020

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Trần Thị Hồng Phượng
2. Bà Lý Thị Bạch Tuyết

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Linh Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị Thu H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 123, tổ 12, khu 12, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến L, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Số 123, tổ 12, khu 12, xã Đ, huyện L, Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 3 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lưu Thị Thu H trình bày:*

Chị và anh L tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 1999, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Chị và anh L sống chung hạnh phúc đến năm 2019 thì phát mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh L còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác

bên ngoài, không quan tâm lo lắng cho vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống chung không có hạnh phúc. Chị và anh L đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay, anh L bỏ nhà ra thuê nhà trọ tại khu P, thị trấn L sống với người phụ nữ khác.

Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Tiến L.

- Về con chung: Có 02 con chung, cháu Nguyễn Q, sinh năm 1999 đã trưởng thành và cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 13/8/2008. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 31/8/2020, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 6 năm 2020 bị đơn anh Nguyễn Tiến L trình bày:

Anh và chị H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Khi sống chung với nhau anh 24 tuổi, chị H 22 tuổi, chưa ai có vợ có chồng nhưng do không hiểu biết nên không đi đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức lễ cưới ở xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Năm 2006, vợ chồng vào Nam sinh sống có hộ khẩu tại khu 12 xã L, huyện L nhưng thuê nhà trọ sống ở Khu P, thị trấn L, đến tháng 02/2020 có nhiều nguyên nhân khiến mâu thuẫn phát sinh anh đến Khu K thuê nhà trọ sống một mình đến nay chị H vẫn ở khu P.

Nay chị H xin ly hôn anh chưa đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Q, sinh ngày 16/11/1999, Nguyễn Huy H, sinh ngày 13/8/2008. Hiện nay cháu Q đã trưởng thành. Nếu ly hôn theo nguyện vọng của cháu sống với ai người đó nuôi dưỡng. Nếu sống với anh, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng, nếu sống chị H anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Ý kiến Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị H, anh L chung sống với nhau từ năm 1999, không đăng ký kết hôn, đề nghị HĐXX áp dụng Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Luật hôn nhân gia đình năm 2000, Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao không công nhận vợ chồng giữa chị Lưu Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến L. Về con chung:

Cháu Nguyễn Q, sinh năm 1999 đã trưởng thành; Giao cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 13/8/2008 cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không xét. Án phí dân sự sơ thẩm chị H phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lưu Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam năm 1986, từ năm 2003 đến nay chị H và anh L cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, cần căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 11, 87 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lưu Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến L.

[3]. Về con chung: Cháu Nguyễn Q, sinh ngày 16/11/1999 và cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 13/8/2008.

Hiện cháu Q đã trưởng thành, cháu H đã trên 7 tuổi, qua tham khảo ý kiến cháu H có nguyện vọng được sống với chị H, thời gian qua cháu H sống với chị H, cháu H được chị H nuôi dạy tốt nên cần căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014 giao cháu H cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị H nuôi con không yêu cầu anh L cấp dưỡng nên không xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị H, anh L không yêu cầu Tòa giải quyết chia tài sản chung nên không xét.

[5]. Về nợ chung: Chị H, anh L khai không có nên không xét.

[6]. Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 131, các Điều 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lưu Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 13/8/2008 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi chấm dứt quan hệ vợ chồng anh L được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Không xét

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lưu Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003351 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị H đã nộp đủ án phí.

Chị Lưu Thị Thu H, anh Nguyễn Tiến L được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS h. Long Thành (1);
- Đương sự (2);
- Lưu (3).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phụng